28/05/2012

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tiếng Anh - K12

Môn thi: **Nghe 3** Lần thi: 2 Giám thị 1: Quốc Ký tên:

Học kỳ: 2 Năm học: **2011 - 2012** Ngày thi: 9/5/12 Giám thị 2: Uyên Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: A1.8 Giám thị 3: _____ Ký tên:

Tổng số bài: 18 Số tờ: 18 Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	0810110044	Phạm Thị Phương	Loan	14/12/1990					
2	0810110078	Phạm Minh	Tiến	21/04/1989					
3	1010110001	Lê Trần Băng	Châu	09/11/1991				5,0	Năm chẵn
4	1010110002	Nguyễn Ngọc Thúy	Duy	28/01/1992					
5	1010110003	Đặng Thị Thanh	Hằng	11/04/1992				5,5	Năm rưỡi
6	1010110005	Hồ Thị Hồng	Hạnh	14/03/1991				5,0	Năm chẵn
7	1010110006	Cái Thị	Liên	11/11/1992				5,0	Năm chẵn
8	1010110007	Đinh Thy	Linh	28/05/1991				6,5	Sáu rưỡi
9	1010110008	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02/04/1992				5,5	Năm rưỡi
10	1010110009	Võ Thị	Loan	12/10/1991				6,0	Sáu chẵn
11	1010110012	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	05/01/1990					
12	1010110013	Nguyễn Lu Y	Na	15/08/1990				4.5	Bốn rưỡi
13	1010110014	Phùng Thị Thiên	Nga	29/05/1992				4,5	Bốn rưỡi
14	1010110015	Hà Bảo	Ngân	02/08/1992				6,0	Sáu chẵn
15	1010110018	Lưu Đình	Quốc	07/03/1991				6,5	Sáu rưỡi
16	1010110019	Trần Chí	Tâm	27/04/1992				7,0	Bảy chẵn
17	1010110021	Trần Thị	Thương	06/01/1992				5,0	Năm chẵn
18	1010110022	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	02/12/1991				5,5	Năm rưỡi
19	1010110024	Lê Thùy	Trâm	19/03/1991				5,5	Năm rưỡi
20	1010110025	Nguyễn Thị Tuyết	Trân	13/12/1992				5,0	Năm chẵn
21	1010110026	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	11/01/1991				5,0	Năm chẵn
22	1010110027	Nguyễn Ngọc Kim	Yến	07/06/1992				5,0	Năm chẵn

Ngày 22 tháng 5 năm 2012